TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2021/DSPT.
Ngày: 20-4-2021
V/ v *tranh chấp QSD đất.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phương
Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Quế
Bà Dương Thị Liên

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên .

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên**: Bà Đỗ Thị Thu Thủy- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày ngày 14 tháng 4 năm 2021 và ngày 20 tháng 4 năm 2021 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2020/DSPT ngày 14 tháng 10 năm 2020 về "*Tranh chấp QSD đất"* do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/DS-ST Ngày 09/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2020/QĐ-PT ngày 02 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1950
Địa chỉ: TDP TX2, phường PC, Thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.
2. Bị đơn: Bà Vũ Thị D, sinh năm 1960
Địa chỉ: TDP TX2, phường PC, Thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1.Bà Phạm Thị T, sinh năm 1949. Có mặt.
Địa chỉ: TDP TX2, phường PC, Thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.
3.2. Chị Đinh Thị N, sinh năm 1983. Có mặt.
Địa chỉ: Thôn 1, xã HTT, thị xã SĐT, tỉnh Quảng Ninh
3.3. Chị Đinh Thị N1, sinh năm 1986. Có mặt.
Địa chỉ: Xóm B, xã TT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên
3.4. Chị Đinh Thị N2, sinh năm 1987. Có mặt.
Địa chỉ: TDP ĐT (nay là TQ), phường BB, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên
3.5. Anh Đinh Xuân T1, sinh năm 1997. Có mặt.
Địa chỉ: TDP TX2, phường PC, Thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên.

4. Người kháng cáo: Bà Vũ Thị D là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn P, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp: Là của gia đình ông do UBND xã Cải Đan thị xã Sông Công cấp cho sử dụng, gia đình ông đã xây nhà và sử dụng ổn định từ năm 1975. Năm 1994 được Ủy ban nhân dân thị xã Sông Công giao đất xây dựng. Năm 1996 gia đình ông làm đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 34b, tờ bản đồ 76-IV đã được UBND thị xã *(nay là thành phố Sông Công)* cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0064035 có diện tích 344m2 *(trong đó 300m2 đất ở và 44m2 đất cây lâu năm)* mang tên ông Nguyễn Văn P có địa chỉ tại TDP TX2, phường PC, thành phố SC, Thái Nguyên.

Liền kề với gia đình ông là gia đình bà Vũ Thị D sử dụng đất thuộc thửa đất số 34e, tờ bản đồ 76-IV. Khoảng năm 1995 bà D xây nhà trên gồm 02 gian. Khoảng năm 2005- 2006 gia đình bà D xây thêm phòng bếp và công trình phụ trên đất về phía trong tiếp giáp với hai gian nhà trên nhưng xây nhô ra phần ngoài đất của gia đình ông lấn chiếm vào thửa đất số 34b của gia đình ông khoảng 4-5 m^2, khi xây giữa hai bên gia đình không xảy ra tranh chấp gì và gia đình ông bà cũng không có ý kiến gì về việc xây dựng của bà D lý do không biết bà D đã xây lấn sang phần đất của gia đình ông bà.

Năm 2017 khi ông bà đi làm thủ tục tách đất cho các con thì trong quá trình đo đạc mới phát hiện gia đình bà D đã xây dựng phòng bếp, công trình phụ lấn chiếm sang đất gia đình ông bà. Việc lấn chiếm được thể hiện tại biên bản xác định hiện trạng của UBND phường PC, thành phố SC, Thái Nguyên.

Nay ông P, bà T đề nghị hộ gia đình bà D tháo dỡ công trình phụ là: Bếp, nhà tắm, nhà vệ sinh của nhà bà D trên phần đất của gia đình ông để trả lại phần đất lấn chiếm khoảng 4,86m^2 thuộc thửa đất số 34b tờ bản đồ số 76-IV có địa chỉ tại TDP TX2, phường PC, TP Sông Công, Thái Nguyên.

Bị đơn bà Vũ Thị D trình bày:

Nguồn gốc đất thửa số 34e, tờ bản đồ 76-IV có một phần ranh giới tiếp giáp với gia đình ông P, bà T là do nhà nước cấp theo nhà tập thể thanh lý, thời gian đó có tất cả là 10 gian nhà tập thể được thanh lý vào năm 1991, nhà bà được thanh lý một gian.

Năm 1994, 1995 gia đình bà xây dựng nhà ở trên đất, khi xây dựng thì ông P là người đặt, đào móng nhà cho gia đình bà và không có tranh chấp gì, mốc giới được lấy theo tường nhà thanh lý được giao từ năm 1991. Hiện tại vẫn còn nguyên tường cũ của nhà thanh lý.

Năm 1996 gia đình bà làm thủ tục kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0064034 thửa số 34e, tờ bản đồ 76-IV, diện tích 178m2

do UBND thị xã *(nay là thành phố Sông Công)* cấp ngày 16/12/1996 mang tên bà Vũ Thị D. Năm 2005 bà xây thêm gian nhà bếp và công trình phụ tiếp giáp với hai gian nhà cũ, phần bếp và công trình bà xây theo móng của nhà thanh lý, nên rộng hơn khoảng 30-40 cm. Khi xây hai bên gia đình ko có tranh chấp gì.

Nay ông P, bà T đề nghị gia đình bà tháo dỡ công trình phụ như: Bếp, nhà tắm, nhà vệ sinh trên đất của gia đình nhà ông để trả lại phần đất lấn chiếm khoảng 4-5 m2 thuộc thửa đất số 34b tờ bản đồ số 76-IV bà không nhất trí vì bà xác định gia đình bà không lấn chiếm đất của gia đình ông P, bà T.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị N1, chị N, chị N2, anh T1 trình bày nhất trí ý kiến của và Vũ Thị D.

Tại công văn số 2125/UBND-TNMT ngày 24/8/2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố Sông Công có ý kiến như sau:

Về việc cấp giấy chứng nhận QSD đất hộ bà Vũ Thị D được giao sử dụng tại quyết định số 85/QĐ-UB ngày 12/12/1994, hộ ông Nguyễn Văn P được giao sử dụng tại quyết định số 87/QĐ-UB ngày 12/12/1994 của UBND thị xã Sông Công. Theo biên bản giao đất xây dựng do phòng quản lý đô thị Sông Công lập ngày 18/2/1995. UBND thì xã Sông Công cấp giấy chứng nhận QSD đất cho hộ bà D và hộ ông P là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền quy định, có sơ đồ thể hiện ranh giới, kích thước rõ ràng, không chồng chéo và có chữ ký xác nhận của các hộ tại biên bản giao chỉ giới.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc bằng máy và xác định giá tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có tranh chấp theo quy định của pháp luật. Kết quả thẩm định giá tài sản: Tài sản xây trên phần đất lấn chiếm (theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn) có diện tích 4,86m2 gồm có phòng bếp, công trình phụ *(nhà vệ sinh, nhà tắm)* có tổng giá trị tài sản còn lại sau khấu hao là 27.335.000đồng, chi phí tháo dỡ lắp đặt là 504.000đồng. Tổng cộng: 27.839.000đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/DS-ST Ngày 09/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên đã Quyết định:

1.Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P về việc khởi kiện bà Vũ Thị D trả lại phần đất lấn chiếm và tháo dỡ công trình trên phần đất lấn chiếm 4,86 m^2.

2. Buộc hộ bà Vũ Thị D và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phải tháo dỡ phần phòng ngủ, phòng bếp, nhà vệ sinh, nhà tắm xây dựng năm 2005 trên phần đất lấn chiếm của gia đình ông Nguyễn Văn P. Trả lại phần đất đã lấn chiếm là 4,86 m^2 tại thửa đất số 34B, tờ bản đồ 76-IV, tại TDP TX2, phường PC, thành phố SC, Thái Nguyên, tại các điểm 7-8-9-10-11 trên sơ đồ trích đo. *(Có sơ đồ trích đo chi tiết của Công ty TNHH Hà Nguyên Châu kèm theo)*

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc bằng máy và định giá tài sản. Do yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P được chấp nhận nên bà Vũ

Thị D phải chịu toàn bộ chi phí là 12.300.000đồng. Ông P đã nộp và chi phí xong, bà D có nghĩa vụ thanh toán trả cho ông P số tiền 12.300.000đồng.

4. Buộc ông Nguyễn Văn P phải bồi thường cho bà Vũ Thị D số tiền 27.839.000đồng do bà D phải tháo dỡ tường phòng bếp, nhà vệ sinh, nhà tắm xây trên phần đất lấn chiếm 4,86m2. Được trừ đi số tiền 3.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, và định giá tài sản và 9.300.000 đồng tiền đo đạc bằng máy toàn đạc. Tổng cộng là 12.300.000 đồng ông P đã nộp và chi phí xong, ông P phải tiếp tục phải bồi thường cho bà Vũ Thị D số tiền còn lại sau khi trừ đi số tiền đo đạc, thẩm định, định giá tài sản còn lại 12.300.000 đồng. Ông Nguyễn Văn P phải bồi thường cho bà Vũ Thị D tiếp số tiền còn lại là: 27.839.000 - 12.300.000 =15.539.000 đồng *(Mười năm triệu năm trăm ba mươi chín ngàn đồng chẵn)* .

5. Án phí: Bà Vũ Thị D phải chịu 538.200đồng tiền án phí DSST có giá ngạch sung công quỹ Nhà nước. Ông P phải chịu 1.391.950 đồng tiền án phí DSST có giá ngạch, ông P đã nộp số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên theo biên lai thu số 0010952 ngày 02/7/2018, ông P còn phải nộp tiếp số tiền 1.091.950 đồng án phí có giá ngạch sung công quỹ nhà nước

Ngày 23/9/2020 bà Vũ Thị D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận khởi kiện của ông P, giữ nguyên phần đất của gia đình bà đã được Nhà nước giao.

Ngày 28/9/2020 Bà D kháng cáo bổ sung không đồng ý tháo dỡ công trình vì nhà bà đã xây nhà năm 1994 đến năm 1996 được cấp giấy chứng nhận QSd đất, có tường nhà thanh lý làm ranh giới.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Vũ Thị D giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Bà D xác định gia đình bà xây dựng công trình bếp, vệ sinh đúng như chỉ giới mà ông P và gia đình bà đã thống nhất từ năm 1994. Đề nghị Hội đồng xét xử làm rõ. Hiện nay bếp và công trình vệ sinh của gia đình bà đang sử dụng ổn định. Việc phá rỡ một phần bếp và nhà vệ sinh thì sẽ ảnh hưởng đến toàn bộ kết cấu của cả công trình. Trường hợp có căn cứ xác định gia đình bà đã xây phần bếp và công trình vệ sinh lấn sang đất của nhà ông P 4,86m^2 thì bà nhất trí trả giá trị đất cho gia đình ông P theo giá của Hội đồng định giá.

Ông P và bà D đều xác định vị trí, diện tích đất của hai hộ được cấp giấy chứng nhận QSD đất đúng theo biên bản giao đất xây dựng ngày 18/2/1995, có sơ đồ chỉ giới, diện tích, kích thước cụ thể.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông P xác định diện tích đất có tranh chấp với gia đình nhà bà D là 7,1m^2 theo sơ đồ đo vẽ. Tuy nhiên ông chỉ khởi kiện yêu cầu gia đình bà Vũ Thị D phải trả lại cho ông 4,86m^2 phần đất đã lấn chiếm tại vị trí nhà bà D đã xây phòng bếp và công trình vệ sinh. Còn 2,2m^2 gia đình bà D đã xây nhà kiên cố ông không yêu cầu bà D phải trả. Ông P yêu cầu bà D phải rỡ

bỏ công trình đã xây dựng trên thửa đất số 34b tờ bản đồ số 76-IV của gia đình nhà ông. Ông P và bà T không nhất trí nhận giá trị đất do bà D thanh toán.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Vũ Thị D. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/DS-ST Ngày 09/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên theo hướng buộc bà Vũ Thị D phải thanh toán giá trị đất đã lấn chiếm cho ông P và bà T. Bà D không phải chịu án phí phúc thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà , căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bà Vũ Thị D làm trong hạn luật định đã nộp dự phí kháng cáo được xem xét theo trình tự phúc thẩm

[2]. Xét nội dung kháng cáo của bà Vũ Thị D, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về nguồn gốc thửa đất số 34e, tờ bản đồ 76-IV, diện tích 178m^2 của gia đình bà Vũ Thị D được UBND thị xã Sông Công *(nay là thành phố Sông Công)* cấp giấy chứng nhận QSD đất ngày 16/12/1996 mang tên Vũ Thị D.

Thửa đất 34b, tờ bản đồ 76-IV, diện tích 344m^2 *(trong đó 300 m2đất ở và 44m2 đất cây lâu năm)* của gia đình ông Nguyễn Văn P đã được UBND thị xã Sông Công *(nay là thành phố Sông Công)* cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 16/12/1996 mang tên ông Nguyễn Văn P.

Về căn cứ cấp đất cho hộ bà Vũ Thị D được giao sử dụng tại quyết định số 85/QĐ-UB ngày 12/12/1994, hộ ông Nguyễn Văn P được giao sử dụng tại quyết định số 87/QĐ-UB ngày 12/12/1994 của UBND thị xã Sông Công.

Theo biên bản giao đất xây dựng do phòng quản lý đô thị Sông Công lập ngày 18/2/1995 được UBND thành phố Sông Công xác định là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền quy định, có sơ đồ thể hiện ranh giới, kích thước rõ ràng, không chồng chéo và có chữ ký xác nhận của các hộ tại biên bản giao chỉ giới (Công văn số 2125 /UBND-TNMT ngày 24/8/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Sông Công).

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, đo bằng máy toàn bộ hiện trạng đất của gia đình ông P và gia đình bà D, đối chiếu với biên bản giao đất xây dựng ngày 18/2/1995 và sơ đồ chỉ giới

khu đất nhà ở thanh lý xưởng gạch xí nghiệp vật liệu xây dựng là căn cứ UBND thị xã Sông Công (nay là thành phố Sông Công) cấp đất cho cho hai hộ.

Theo bản trích đo hiện trạng thể hiện gia đình bà D đã xây phòng ngủ nhà bếp cùng công trình vệ sinh lấn sang thửa đất số 34b, tờ bản đồ 76-IV của gia đình ông P tổng diện tích là 7,1m^2. Tuy nhiên, ông P chỉ khởi kiện yêu cầu bà D trả lại cho gia đình ông 4,86m^2 là phần diện tích phòng ngủ, bếp, công trình vệ sinh của nhà bà D đã xây sang đất của gia đình ông. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P. Xác định gia đình bà D đã xây nhà bếp và công trình vệ sinh lấn sang thửa đất số 34b, tờ bản đồ 76-IV của gia đình ông P là 4,86m^2 là có căn cứ.

Về tài sản trên phần diện tích đất tranh chấp: Gia đình bà Vũ Thị D đã xây dựng phòng ngủ nhà bếp cùng công trình vệ sinh và sử dụng ổn định từ nhiều năm nay, nếu phải tháo rỡ phần tài sản đó sẽ làm ảnh hưởng đến toàn bộ kết cấu của công trình nhà bà D. Do vậy cần buộc bà Vũ Thị D phải thanh toán cho gia đình ông P bà T giá trị tương ứng với diện tích đất có tranh chấp theo giá của Hội đồng định giá đã quyết định là 2.400.000đồng/1m^2 là phù hợp, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự.

Do không buộc bà D phải tháo dỡ tường phòng bếp, nhà vệ sinh, nhà tắm xây trên phần đất lấn chiếm 4,86m2 nên ông P không phải bồi thường cho bà Vũ Thị D số tiền 27.839.000đồng như bản án sơ thẩm đã quyết định.

Bà Vũ Thị D được sử dụng 4,86m^2 đất tranh chấp tại thửa 34b, tờ bản đồ 76-IV của gia đình ông P và có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục cấp lại đất theo quy định.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà Vũ Thị D.

[3.] Về án phí. Ông P và bà D đều là người cao tuổi. Tại Điều 2 luật người cao tuổi quy định thì ông P và bà D là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả ông P và bà D tạm ứng án phí dân sự đã nộp

[4.] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu của ông P được chấp nhận do đó bà D phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng. Ông P đã nộp chi phí đo đất và định giá tài sản tổng cộng 12.300.000đồng và chi phí xong. Bà D có trách nhiệm hoàn trả cho ông P số tiền 12.300.000đồng.

Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Vũ Thị D

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/DS-ST Ngày 09/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ các Điều Điều 26, khoản 1 Điều 228, Điều 147, Điều 165, 166 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 164, 166, 175; Khoản 2 điều 468; Điều 357 Bộ luật dân sự Điều 100,103,106,166,203 Luật đất đai; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P đối với bà Vũ Thị D.

2. Buộc bà Vũ Thị D phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn P và bà Phạm Thị T giá trị 4,86 m^2 đất thổ cư đã lấn chiếm tương ứng số tiền là 11.664.000đồng (mười một triệu sáu trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

Ông Nguyễn Văn P và bà Phạm Thị T được quyền sở hữu số tiền 11.664.000đồng (mười một triệu sáu trăm sáu mươi bốn nghìn đồng) do bà Vũ Thị D thanh toán.

Bà Vũ Thị D được quyền quản lý và sử dụng 4,86 m^2 đất thổ cư tại thửa đất số 34B, tờ bản đồ 76-IV, tại TDP TX2, phường PC, thành phố Sông Công, Thái Nguyên tại các điểm 7-8-9-10-11 trên sơ đồ trích đo. *(Có sơ đồ trích đo chi tiết của Công ty TNHH Hà Nguyên Châu kèm theo)*.

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất theo quy định của pháp luật.

3. Về lệ phí: Bà Vũ Thị D phải trả cho ông Nguyễn Văn P số tiền 12.300.000đồng chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành không tự nguyện thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi được xác định theo mức lãi suất tại khoản 2 Điều 468 và Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Án phí: Ông P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Được trả lại số tiền đã nộp là 300.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010952 ngày 02/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

Bà Vũ Thị D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn lại 300.000đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu tiền số 0008015 ngày 28/9/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND TP Sông Công;
- THADS TP Sông Công;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Hồng Phương